TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2021/DS-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí M: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trường G,** sinh năm: 1982

Địa chỉ: 48/7 L, phường B, quận B, TP.HCM

- *Người đại diện hợp pháp:* Bà **Phạm Thùy T**, sinh năm 1993

Hoặc Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1996

Địa chỉ: 54 H, Phường B, quận B, TP.HCM

2. Bị đơn: Ông **Lê Thái M**, sinh năm 1975

Địa chỉ: 379A/15, ấp M, xã A, huyện B, TP.HCM

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1994

Địa chỉ: 54 H, Phường B, quận B, TP.HCM

- *Người đại diện hợp pháp:* Bà **Phạm Thùy T**, sinh năm 1993

Hoặc Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1996

Địa chỉ: 54 H, Phường B, quận B, TP.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Ông Nguyễn Trường G, do Bà **Trần Thị Q đại diện trình bày như sau:**

Ông G và ông Lê Thái M có mối quan hệ quen biết từ trước. Khi gặp có khó khăn về tài chính, ông Lê Thái M có tìm đến ông G để vay mượn tiền trang trải cuộc sống. Cụ thể, ông G đã cho ông Lê Thái M mượn 02 lần tiền như sau :

- Lần thứ nhất theo Giấy vay tiền ngày 10/11/2018, ông G cho ông M vay số tiền là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng);

- Lần thứ hai theo Giấy vay tiền ngày 27/9/2019, ông G cho ông M vay số tiền là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

Tổng số tiền ông G đã cho ông M vay là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Hai bên không có thỏa thuận về vấn đề lãi suất.

Số tiền 110.000.000 đồng mà ông G cho ông Lê Thái M vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông G và vợ bà Trần Thị Dung.

Tuy nhiên, khi ông G yêu cầu ông Lê Thái M trả nợ, nhưng ông Lê Thái M lại viện dẫn nhiều lý do cá nhân hẹn lần hẹn lượt. Ông G nhiều lần gọi điện, nhắn tin, đến nhà, gửi thông báo yêu cầu ông Lê Thái M trả nợ, nhưng ông Lê Thái M liên tục trốn tránh không gặp ông G, đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Số tiền ông G cho ông Lê Thái M vay là số tiền ông G và bà Dung đã tích góp nhiều năm, là số tiền mồ hôi công sức và lao động chân chính của ông G và bà Dung. Vì vậy, kính mong quý Tòa xem xét và yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán cho ông G và bà Dung những số tiền sau:

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán cho ông Nguyễn Trường G và bà Trần Thị Dung số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 10/11/2018, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 393 ngày, lãi suất 10%/năm: 60.000.000 x 10%/365 x 393 = 6.460.274 đồng.

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 27/09/2019, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 393 ngày, lãi suất 10%/năm: 60.000.000 x 10%/365 x 393 = 5.383.562 đồng.

Tổng số tiền ông G yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán tính đến ngày 30/12/2021 là: 110.000.000 + 6.460.274 + 5.383.562 = 121.843.836 đồng.

Tại phiên tòa, Bà Trần Thị Q có ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Ông Lê Thái M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Trần Thị D, do Bà Trần Thị Q đại diện có ý kiến trình bày và yêu cầu như bên nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Bà Trần Thị Q có ý kiến trình bày và yêu cầu như bên nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Trường G khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với Ông Lê Thái M đây là tranh chấp về hợp đồng dân sư. Ông Lê Thái M cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Lê Thái M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Theo Giấy vay tiền ngày 10/11/2018, thể hiện: Lê Thái M có vay của Nguyễn Trường G số tiền là: 60.000.000 đồng, không có ghi kỳ hạn, không có lãi suất.

Theo Giấy vay tiền ngày 27/9/2019, thể hiện: Lê Thái M có vay của Nguyễn Trường G số tiền là: 50.000.000 đồng, không có ghi kỳ hạn, không có lãi suất.

[4] Ông Nguyễn Trường G xác định: ông G đã nhiều lần gọi điện, thông báo yêu cầu ông Lê Thái M trả tiền vay, nhưng ông M không trả.

Ông Nguyễn Trường G yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán cho ông G và bà Dung tổng số tiền tính đến ngày 30/12/2021 là: 110.000.000 + 6.460.274 + 5.383.562 = 121.843.836 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.".

[6] Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

"1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác liên quan có quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.".

[7] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn:

"1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.".

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Trường G về việc yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán cho ông G và bà Dung những số tiền sau:

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán cho ông Nguyễn Trường G và bà Trần Thị Dung số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 10/11/2018, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 393 ngày, lãi suất 10%/năm: 60.000.000 x 10%/365 x 393 = 6.460.274 đồng.

- Yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 27/09/2019, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 393 ngày, lãi suất 10%/năm: 60.000.000 x 10%/365 x 393 = 5.383.562 đồng.

Tổng số tiền ông G yêu cầu ông Lê Thái M thanh toán tính đến ngày 30/12/2021 là: 110.000.000 + 6.460.274 + 5.383.562 = 121.843.836 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thái M phải chịu 6.092.192 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Trường G số tiền 3.207.398 đồng (ba triệu hai trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080788 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Trường G.

Buộc ông Lê Thái M thanh toán cho ông G và bà Dung những số tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 10/11/2018, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 6.460.274 đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

- Số tiền lãi đối với khoản vay tại giấy vay tiền ngày 27/09/2019, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 đến ngày 30/12/2021 là 5.383.562 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng).

Tổng số tiền ông Lê Thái M phải thanh toán là 121.843.836 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thái M phải chịu 6.092.192 đồng (sáu triệu không trăm chín mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Trường G số tiền 3.207.398 đồng (ba triệu hai trăm lẻ bảy ngàn ba trăm chín mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080788 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

2 000001 796207

Lê Ngọc Hải